TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 47/2026/QĐST-HNGĐ	*Quảng Ninh, ngày 27 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 110/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2026, giữa:

*. Nguyên đơn: chị Nình Móc T, sinh năm 2004; căn cước công dân số 0223xxxxxxxx, do Bộ C cấp ngày 13/9/2023; nơi cư trú: thôn H, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

*. Bị đơn: anh Hà Văn S, sinh năm 1988; căn cước số 0220xxxxxxxx, do Bộ C cấp ngày 07/5/2026; nơi cư trú: thôn H, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội khóa 15); điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 36 của Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nình Móc T và anh Hà Văn S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* chị Nình Móc T và anh Hà Văn S có 01 (một) con chung. Chị T và anh S thống nhất, thỏa thuận sau khi ly hôn anh S là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Hà Tuấn T1, sinh ngày 23/4/2020 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh S là 2.000.000 đồng/01 tháng (hai triệu đồng/một tháng) vào ngày 15 hằng tháng, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung, khoản nợ chung:* chị Nình Móc T và anh Hà Văn S không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* chị N Móc T tự nguyện nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000298 ngày 24/7/2026 và số 0000597 ngày 26/8/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 34 và 36 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *VKSND khu vực 4 - Quảng Ninh;*
- *UBND xã Đông Ngũ, tỉnh Quảng Ninh;*
- *Phòng THADS khu vực 4 - Quảng Ninh;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thùy Dương